

Bản án số 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-4-2020
V/v xin ly hôn, yêu cầu nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Trường

Bà Hà Thị Thúy Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về vụ xin ly hôn, yêu cầu nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 3 năm 2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Công T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện nay: Khối phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Dương Công T trình bày:

Anh Dương Công T và chị Hoàng Thị V được tự do tìm hiểu, và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán; anh T và chị V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, số 33 quyển số 01 ngày 08 tháng 12 năm 2005. Trước khi đăng ký kết hôn anh T và chị V được tự

do tìm hiểu, không ai ngăn cản ép buộc. Thời gian đầu hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Đến tháng 9 năm 2019 giữa anh T và chị V phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau; chị V đã bỏ nhà đi từ đó đến nay không về nhà anh T nữa. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án cho được ly hôn với chị Hoàng Thị V.

Về con chung: Có hai con chung, cháu lớn là Dương Thị N, sinh ngày 12/10/2006; cháu thứ hai là Dương Thị Quỳnh N1, sinh ngày 30/01/2018. Khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Dương Thị N; chị Hoàng Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Thị Quỳnh N1 đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Hoàng Thị V có ý kiến như sau: Về điều kiện và thời gian kết hôn như anh T trình bày là đúng; anh T và chị V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B; trước khi đăng ký kết hôn anh T và chị V được tự do tìm hiểu, không ai ngăn cản ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc; sau đó phát sinh mâu thuẫn, chị V thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do lỗi ở chị V. Nhưng chị V xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị V không đồng ý ly hôn với anh T. Chị yêu cầu đoàn tụ để hai vợ chồng cùng nuôi con.

Về con chung: Chị Hoàng Thị V thừa nhận vợ chồng có hai con chung như chị anh T trình bày là đúng. Chị không đồng ý ly hôn nên chị không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V không có ý kiến gì. Vì chị muốn vợ chồng quay về đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Chị Hoàng Thị V vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần hai không có lý do, mặc dù đã được tòa án tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị V là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa anh Dương Công T và chị Hoàng Thị V là hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh Dương Công T xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống không có

trách nhiệm với nhau, không thương yêu chăm sóc nhau, chị Hoàng Thị V đã bỏ nhà đi sống ở nơi khác. Vì vậy anh Dương Công T đề nghị được ly hôn với chị Hoàng Thị V. Chị Hoàng Thị V không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Dương Công T; chị Hoàng Thị V thừa nhận lỗi là do chị dẫn đến vợ chồng không chung sống cùng nhau; nhưng chị Hoàng Thị V cho rằng chị vẫn còn tình cảm với anh Dương Công T; chị Hoàng Thị V mong muốn vợ chồng đoàn tụ để con có cả bố và mẹ. Thực tế giữa anh T và chị V đã sống ly thân từ năm 2019 sau khi vợ chồng có mâu thuẫn, mỗi người đi làm ăn ở một nơi, không quan tâm đến nhau.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa anh Dương Công T và chị Hoàng Thị V: Cả anh Dương Công T và chị Hoàng Thị V đều thừa nhận vợ không quan tâm đến nhau, không thương yêu chăm sóc nhau; mỗi người ở một nơi khác nhau. Chị Hoàng Thị V xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn để yêu cầu đoàn tụ là không có căn cứ; hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Hoàng Thị V đến tòa để hỏi thêm về tình trạng hôn nhân, nhưng chị Hoàng Thị V không có mặt, không có lý do; như vậy chị không hợp tác với Tòa án để yêu cầu đoàn tụ, tự mình tước bỏ quyền tham gia tố tụng. Đánh giá tình trạng hôn nhân giữa anh Dương Công T và chị Hoàng Thị V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Dương Công T yêu cầu ly hôn với chị Hoàng Thị V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của anh Dương Công T là có căn cứ, cần chấp nhận. Đối với yêu cầu đoàn tụ của chị Hoàng Thị V không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về con chung: anh Dương Công T và chị Hoàng Thị V có 02 con chung, cháu lớn tên là Dương Thị N, sinh ngày 12/10/2006; cháu thứ hai tên là Dương Thị Quỳnh N1, sinh ngày 30/01/2018. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Thị N chị Hoàng Thị V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Thị Quỳnh N1 đến tuổi trưởng thành; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tòa án đã lấy lời khai của cháu Dương Thị N, cháu có nguyện vọng được ở với bố là anh Dương Công T khi bố mẹ ly hôn. Hiện nay cháu Dương Thị N đang ở cùng với anh Dương Công T; cháu Dương Thị Quỳnh N1 đang ở với chị Hoàng Thị V. Như vậy căn cứ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử giao cháu Dương Thị N cho anh Dương Công T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Dương Thị Quỳnh N1 cho chị Hoàng Thị V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật. Các bên không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau; Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên có quyền đi lại thăm non con chung không ai được ngăn cản.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành quy định khi được tòa án triệu tập đến để giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành quy định khi được Tòa án triệu tập đến toà án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu được nuôi con 01 con chung của anh Dương Công T; không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh chị Hoàng Thị V. Nguyên đơn anh Dương Công T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[10] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Dương Công T được ly hôn với chị Hoàng Thị V.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Thị N, sinh ngày 12/10/2006 cho anh Dương Công T; giao cháu Dương Thị Quỳnh N1, sinh ngày 30/01/2018 cho chị Hoàng Thị V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về Tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Dương Công T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu số AA/2012/05754 ngày 10/12/2019. Anh Dương Công T đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tòa báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng có bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Mạnh Đức